

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Giao thông vận tải; Chuyên ngành: Tổ chức và quản lý giao thông vận tải

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: MAI KHẮC THÀNH

2. Ngày tháng năm sinh: 05/4/1977; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):

Xã Giao Tiến – Huyện Giao Thủy - Tỉnh Nam Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 4/45 phường Nghĩa Xã, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

6. Địa chỉ liên hệ: Khoa Quản trị - Tài chính, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, số 484 Lạch Tray, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng.

Điện thoại nhà riêng:..... Di động: 0912.238.569;

E-mail: mkthanh@vimaru.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

| Từ tháng, năm đến tháng, năm | Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác |
|-------------------------------------|--|
| 10/1999 đến 9/2007 | Giảng viên khoa Kinh tế vận tải biển, Trường Đại học Hàng hải |
| 10/2007 đến 4/2014 | Phó trưởng bộ môn Quản trị kinh doanh – Khoa Kinh tế vận tải biển, Trường Đại học Hàng hải |
| 4/2014 đến 2/2015 | Trưởng Bộ môn Quản trị kinh doanh – Khoa Kinh tế, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam |
| 3/2015 đến 12/2015 | Phó Trưởng khoa Kinh tế, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam |
| 1/2016 đến 11/2021 | Phó Trưởng khoa Quản trị - Tài chính, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam |
| 12/2021 đến nay | Trưởng khoa Quản trị - Tài chính, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam |

Chức vụ hiện nay: Trưởng khoa Quản trị - Tài chính, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Chức vụ cao nhất: Trưởng khoa Quản trị - Tài chính, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Địa chỉ: 484 Lạch Tray, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng.

Điện thoại cơ quan: 02253846656

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng đại học thứ nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 1998; Số hiệu: B77174 thuộc ngành: Quản trị kinh doanh; Nơi cấp bằng đại học: Trường Đại học Thương Mại.

- Được cấp bằng Thạc sĩ vào ngày 14 tháng 5 năm 2005; Số hiệu: A014227; thuộc ngành: Tổ chức quản lý vận tải; Nơi cấp bằng Thạc sĩ: Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

- Được cấp bằng Tiến sĩ vào ngày 27 tháng 6 năm 2013; Số hiệu: 002426; thuộc ngành: Tổ chức quản lý vận tải; Nơi cấp bằng Tiến sĩ: Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh GS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh GS tại HĐGS ngành: Giao thông vận tải (chuyên ngành Tổ chức và quản lý giao thông vận tải)

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

(1) *Hướng nghiên cứu thứ nhất: Quản trị chiến lược, tối ưu hóa quy trình, và nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp vận tải biển.* Hướng nghiên cứu này tập trung vào các vấn đề cốt lõi trong quản trị doanh nghiệp như hoạch định và triển khai chiến lược, lựa chọn mô hình quản trị phù hợp, cải thiện hiệu quả hoạt động và nâng cao năng suất của tổ chức. Các nghiên cứu trong hướng này thường ứng dụng các công cụ phân tích định lượng như SWOT, BSC, AHP, DEA, SFA hay Malmquist nhằm đo lường và tối ưu hóa hiệu quả vận hành. Đây cũng là hướng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong hệ thống công trình đã công bố, thể hiện rõ nét qua các giáo trình giảng dạy, đề tài cấp trường cũng như nhiều bài báo khoa học đăng tải trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế.

(2) *Hướng nghiên cứu thứ hai: Phát triển nguồn nhân lực cho ngành vận tải và dịch vụ cảng biển.* Hướng nghiên cứu này tập trung làm rõ vai trò của yếu tố con người trong tổ chức, bao gồm các nội dung như tạo động lực làm việc, phát triển năng lực đội ngũ quản lý, mô hình quản trị nhân sự tiên tiến, cũng như các phương pháp nâng cao hiệu quả tuyển dụng và đào tạo. Bên cạnh đó, các nghiên cứu cũng mở rộng sang phân tích thị trường lao động địa phương, đánh giá nhu cầu nhân lực trong lĩnh vực logistics, và khám phá các yếu tố hành vi như tính cách cá nhân ảnh hưởng đến hành vi nghề nghiệp. Hướng nghiên cứu này góp phần cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ công tác phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh hội nhập kinh tế sâu rộng

(3) *Hướng nghiên cứu thứ ba: Tối ưu chuỗi cung ứng và thúc đẩy hội nhập kinh tế trong lĩnh vực hàng hải và logistic.* Hướng nghiên cứu này đề cập đến các vấn đề mang tính liên ngành và chiến lược như phát triển hệ thống logistics, nâng cao khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của doanh nghiệp, và tác động của các yếu tố kinh tế vĩ mô như đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) hay chỉ số năng lực logistics (LPI) đến hiệu quả xuất khẩu. Nhiều công trình thuộc hướng này cũng tập trung đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng thông qua các mô hình định lượng hiện đại, đồng thời gợi mở giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển bền vững, chuyển đổi số, và nâng cao sức cạnh tranh quốc tế. Đây là hướng nghiên cứu mang tính thực tiễn cao, có khả năng đóng góp thiết thực vào chính sách phát triển vùng và ngành.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **04 học viên cao học** bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ.
- Đã hoàn thành **05 đề tài NCKH** từ cấp cơ sở trở lên. Cụ thể:
 - + Chủ nhiệm **04** đề tài cấp trường đã nghiệm thu;
 - + Thành viên tham gia **01** đề tài cấp Thành phố đã được nghiệm thu
- Đã công bố 25 bài báo khoa học, trong đó bao gồm:
 - + **05** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín, **là tác giả chính**;
 - + **01** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín, là đồng tác giả;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- + **16** bài báo khoa học trên tạp chí có uy tín;
- + **02** bài báo đăng trên kỷ yếu khoa học của Hội thảo quốc tế.
- + **01** bài báo đăng trên kỷ yếu khoa học của Hội thảo thành phố.
- Đã được cấp **0** bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản **04** cuốn được xuất bản tại Nhà xuất bản có uy tín trong nước, bao gồm:
 - + Chủ biên **03** cuốn giáo trình;
 - + Chủ biên **01** cuốn tài liệu tham khảo;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: **0**

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

| Năm học | Hình thức khen thưởng / Danh hiệu thi đua | Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận; cơ quan ban hành |
|-------------|---|---|
| 2016-2017 | Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào “ NCKH và chuyển giao công nghệ ” năm 2016-2017 | Quyết định số 128/QĐ-CDN; BCH công đoàn giáo dục Việt Nam. |
| 2019 – 2020 | Chiến sĩ thi đua cấp Cơ sở | Quyết định số 1418/QĐ-ĐHVVN ngày 19/8/2020; Trường ĐH Hàng hải Việt Nam |
| 2023-2024 | Chiến sĩ thi đua cấp Cơ sở | Quyết định số 1797/QĐ-ĐHVVN ngày 19/8/2024; Trường ĐH Hàng hải Việt Nam |
| 2023-2024 | Giải Ba Giải thưởng NCKH Neptune của Trường ĐH Hàng hải Việt Nam năm 2024 | Quyết định số 2485/QĐ-ĐHVVN ngày 4/11/2024; Trường ĐH Hàng hải Việt Nam |

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): **Không**

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong thời gian 24 năm 9 tháng tham gia công tác đào tạo và giảng dạy tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, ứng viên luôn ý thức được trách nhiệm phải học tập, tu dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cũng như phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống phù hợp với tư cách của một người giảng viên. Ứng viên xin tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của một nhà giáo như sau:

(1) *Trình độ chuyên môn:* được đào tạo chính quy từ bậc đại học, thạc sĩ, và tiến sĩ với các chuyên ngành liên quan đến Quản trị kinh doanh, Tổ chức và quản lý vận tải – phù hợp với công việc đang đảm nhiệm. Ngoài ra, ứng viên cũng đã hoàn thiện các chứng chỉ nghề nghiệp như Chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, Chứng chỉ Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn nghề nghiệp Giảng viên chính hạng I, hạng II, và hoàn thành chương trình cử nhân ngôn ngữ Anh.

(2) *Công tác giảng dạy và đào tạo:* trong suốt thời gian công tác tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, ứng viên luôn hoàn thành xuất sắc, vượt chỉ tiêu định mức khối lượng giảng dạy đào tạo các hệ cao học, đại học cho các học viên, sinh viên thuộc các chuyên ngành liên quan đến Ngành Kinh tế như Quản lý kinh tế, Quản lý tài chính, Quản trị Kinh doanh, Quản trị Tài chính Kế toán và Tài chính Ngân hàng. Không những vậy, ứng viên cũng luôn đặt chất lượng giảng dạy định hướng người học lên hàng đầu, được đồng nghiệp đánh giá cao về năng lực chuyên môn và phản hồi tích cực từ phía học viên. Ngoài ra ứng viên cũng tham gia Đề án xây dựng chương trình đào tạo Thạc sỹ chuyên ngành Quản lý tài chính tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam năm 2019. Chủ trì mở mới chuyên ngành Quản lý và kinh doanh thương mại điện tử năm 2024. Tham gia biên soạn nhiều giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ đào tạo đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng giảng dạy tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

(3) *Công tác nghiên cứu khoa học:* ứng viên đã tham gia nhiều đề tài nghiên cứu khoa học các cấp đóng góp trực tiếp vào hoạt động quản lý kinh tế. Bên cạnh đó, ứng viên cũng đã đăng tải nhiều công trình khoa học trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước. Tham gia trình bày và công bố trên một số hội thảo khoa học trong và ngoài nước. Với tư cách của một giảng viên đại học, ứng viên luôn tích cực trong việc ứng dụng lí luận kinh tế kết hợp với những hiện tượng phát sinh trong thực tiễn để phát triển các nghiên cứu có tính ứng dụng cao, đóng góp cho nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

(4) *Phẩm chất chính trị:* với tư cách là một giảng viên đại học, đồng thời là một Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, ứng viên luôn ý thức việc rèn luyện tư dưỡng phẩm chất, lập trường chính trị vững vàng, kiên định. Tuân thủ tuyệt đối các điều Đảng viên được làm và không được làm. Chấp hành tốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng, cũng như chính sách, pháp luật của Nhà nước. Chấp hành nghiêm túc các quy định của ngành Giáo dục. Tích cực tham gia đóng góp ý kiến xây dựng tổ chức Đảng ở đơn vị công tác và địa phương nơi sinh sống.

(5) *Đạo đức lối sống:* ứng viên luôn giữ gìn chuẩn mực đạo đức, tâm huyết với nghề, được người học và đồng nghiệp tôn trọng, quý mến; lối sống lành mạnh, tích cực, luôn tìm tòi và áp dụng các phương pháp giảng dạy, nghiên cứu khoa học hiện đại; thường xuyên học tập, cập nhật kiến thức và rèn luyện kỹ năng của nhà giáo, nhà khoa học. Luôn cầu thị, lắng nghe ý kiến đóng góp để không ngừng hoàn thiện bản thân.

(6) *Các hoạt động khác:* bên cạnh các hoạt động giảng dạy đào tạo và nghiên cứu khoa học, ứng viên cũng tích cực tham gia vào các hoạt động cộng đồng như tham gia các hội thảo doanh nghiệp, của cơ quan quản lý nhà nước; các cuộc thi về khởi nghiệp, đầu tư tài chính cho sinh viên. Ngoài ra ứng viên cũng tích cực hưởng ứng tham gia các hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ quần chúng.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 24 năm 9 tháng. (không tính thời gian tập sự)

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

| TT | Năm học | Hướng dẫn NCS | | Số lượng ThS đã hướng dẫn | Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp | | Tổng số giờ giảng trực tiếp/số giờ quy đổi/Số giờ định mức |
|-------------------|-----------|---------------|-----|---------------------------|---|-------------------------------------|-----|--|
| | | Chính | Phụ | | | ĐH | SĐH | |
| 1. | 2019-2020 | 0 | 0 | 0 | 0 | 180 | 240 | 420/539/192 |
| 2. | 2020-2021 | 0 | 0 | 0 | 0 | 192 | 240 | 432/530/175 |
| 3. | 2021-2022 | 0 | 0 | 2 | 0 | 135 | 240 | 375/480/150 |
| 3 năm cuối | | | | | | | | |
| 4. | 2022-2023 | 0 | 0 | 0 | 0 | 180 | 240 | 420/501/150 |
| 5. | 2023-2024 | 0 | 0 | 2 | 0 | 90 | 240 | 330/396/150 |
| 6. | 2024-2025 | 0 | 0 | 0 | 0 | 45 | 240 | 285/350/150 |

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ngoại ngữ: Trường Đại học Hải Phòng cấp Bằng cử nhân Ngôn ngữ Anh vào ngày 17 tháng 10 năm 2017. Số hiệu: A004851.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng cử nhân tiếng Anh

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT | Đối tượng | | Trách nhiệm | | Thời gian hướng dẫn từ 2020 đến 2025 | Cơ sở đào tạo | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/ Có quyết định cấp bằng |
|--------------------------|-------------------------------|-----------|------|-------------|-----|--------------------------------------|---------------|--|
| | | NC S | HVCH | Chính | Phụ | | | |
| Hướng dẫn cao học | | | | | | | | |
| 1 | Trần Văn Hân | | X | X | | 4/2021 - 10/2021 | ĐHHHVN | 23/12/2022 Số hiệu VMUM002858 |
| 2 | Ngô Xuân Thuý | | X | X | | 4/2021 - 10/2021 | ĐHHHVN | 23/12/2022 Số hiệu: VMUM002868 |

| | | | | | | | | |
|---|---------------------|--|---|---|--|----------------|--------|-------------------------------------|
| 3 | Vũ Phương Thảo | | X | X | | 10/2023-4/2024 | ĐHHHVN | 10/7/2024 Số hiệu: VMUM003353 |
| 4 | Nguyễn Hồ Hồng Phát | | X | X | | 10/2023-4/2024 | ĐHHHVN | 10/7/2024 Số hiệu: VMUM003351 |

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

| TT | Tên sách | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản | Số tác giả | Chủ biên | Phần biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|----------------------------------|--|----------------------------|------------------------------|------------|-----------------|---|--|
| Sau khi công nhận Tiến sĩ | | | | | | | |
| Giáo trình | | | | | | | |
| 1 | Quản trị chiến lược | GT | NXB Hàng hải, 2014 | 3 | Chủ biên | Chương 1, 2 (từ trang 7 đến trang 33) và chương 5, 6, 7 (từ trang 62 đến 136) | Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách của Trường ĐHHHVN ngày 25/6/2021 |
| 2 | Khởi sự doanh nghiệp | GT | NXB Hàng hải, 2016 | 1 | Chủ biên | Từ chương 1 đến chương 8 (từ trang 7 đến trang 128) | Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách của Trường ĐHHHVN ngày 25/6/2021 |
| 3 | Bài tập tình huống Quản trị chiến lược | TLTK | NXB Hàng hải, 2022 | 4 | Chủ biên | Từ chương 1 đến chương 5 (Từ trang 9 đến trang 118) | Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách của Trường ĐHHHVN ngày 15/6/2022 |
| 4 | Quản lý nguồn nhân lực | GT | NXB Hàng hải, 2025 | 1 | Chủ biên | Từ chương 1 đến chương 9 (từ trang 1 đến trang 271) | Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách của Trường ĐHHHVN ngày 10/4/2025 |

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...) | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/ Xếp loại KQ |
|---|--|-----------|---|-------------------------|--|
| Trước khi được công nhận Tiến sĩ | | | | | |
| | | | | | |
| Sau khi được công nhận Tiến sĩ | | | | | |
| 1 | Một số biện pháp tạo động lực làm việc cho nhân viên tại Công ty Cổ phần vận tải biển 3 | CN | Đề tài cấp Trường ĐH Hàng hải Việt Nam | 10/2016-6/2017 | 24/6/2017 Khá |
| 2 | Áp dụng các công cụ thống kê (SPC) nhằm kiểm soát chất lượng sản phẩm tại Công ty Cổ phần đóng tàu Sông Cấm | CN | Đề tài cấp Trường ĐH Hàng hải Việt Nam | 10/2017-6/2018 | 20/6/2018 Khá |
| 3 | Ứng dụng phương pháp quản trị nguồn nhân lực của nhật bản vào Công ty Cổ phần vận tải biển Vinaship | CN | Đề tài cấp Trường ĐH Hàng hải Việt Nam | 11/2018-6/2019 | 20/6/2019 Khá |
| 4 | Phân tích và hoàn thiện chiến lược kinh doanh của Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship đến năm 2025. | CN | Đề tài cấp Trường ĐH Hàng hải Việt Nam | 11/2019-6/2020 | 30/6/2020 Đạt |
| 5 | Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp tăng cường khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hải Phòng | Tham gia | ĐT.XH.20 21.887 Cấp Thành phố Hải Phòng | 12/2021 - 03/2023 | 31/03/2023; Đạt |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|---|---|------------|------------------|--|---|--|----------------------------------|--------------------|
| Trước khi được công nhận Tiến sĩ | | | | | | | | |
| 1 | Ảnh hưởng của các yếu tố môi trường kinh doanh đối với doanh nghiệp vận tải biển | 01 | 01 | Tạp chí giao thông vận tải, ISSN 2354-0818 | | | 3/2005 Trang 28 | 3/2005 |
| 2 | Phương pháp phát triển năng lực đội ngũ quản lý trong doanh nghiệp | 01 | 01 | Tạp chí khoa học công nghệ Hàng hải, ISSN 1859-316X | | | Số 9 tháng 4/2007 Trang 100 | 4/2007 |
| 3 | Thực trạng và giải pháp phát triển đội ngũ quản lý tại công ty vận tải biển Việt Nam | 01 | 01 | Tạp chí khoa học công nghệ Hàng hải, ISSN 1859-316X | | | Số 26 tháng 3/2011 Trang 31 | 3/2011 |
| Sau khi được công nhận Tiến sĩ | | | | | | | | |
| Bài báo công bố trên Tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI, Scopus | | | | | | | | |
| 4 | Analysing Productivity Change in Vietnamese Garment Industry Using Global Malmquist Index | 03 | 01 | The Journal of Asian Finance, Economics and Business Print ISSN: 2288-4637 / Online ISSN 2288-4645 doi:10.13106/jaf eb.2020.vol7.no1 1.1033 | Scopus Q3 | 2 | Tập 7, số 11 Trang 1033 -1039 | 11/2020 |
| 5 | HEXACO Personality Traits and Job Seekers' Networking Behavior: The Effect of Network Size | 04 | 01 | Print ISSN: 2288-4637 / Online ISSN 2288-4645 The Journal of Asian Finance, Economics and Business doi:10.13106/jaf eb.2020.vol7.no1 2.545 | Scopus Q3 | 2 | Tập 7, số 12 Trang 545 -553 | 12/2020 |
| 6 | Modelling a shared resources network DEA with bad | 05 | 01 | Inderscience Publishers, | Scopus Q3 | | Tập 20, số 3 | 12/2021 |

| | | | | | | | | |
|--|---|----|----|---|-----------|---|--|---------|
| | output in measuring technical efficiency of banking system | | | International Journal of Mathematics in Operational Research ISSN online 1757-5869 ISSN print 1757-5850 Doi: 10.1504/IJMOR.2021.10039489 | | | Trang 432 452 | |
| 7 | Performance of Vietnamese shipping firms: a four random components stochastic frontier approach. | 04 | 01 | Acta logistica - International Scientific Journal about Logistics ISSN 1339-5629 DOI:10.22306/al.v10i2.397 | Scopus Q3 | 2 | Tập 10, số 2, 2023 Trang 319-329 | 5/2023 |
| 8 | Green performance in the Vietnamese water transport industry: a directional distance function with undesirable outputs approach | 04 | 01 | Acta logistica - International Scientific Journal about Logistics; ISSN 1339-5629 https://doi.org/10.22306/al.v12i1.602 | Scopus Q3 | | Tập 12, số 1. tháng 12/2024 trang 127-135 | 12/2024 |
| 9 | Dataset for analysing the ESG-oriented technical efficiency of VNSI listed companies | 03 | 03 | Data in Brief https://doi.org/10.1016/j.dib.2023.109832 ISSN: 2352-3409 | Scopus Q3 | | Số 52 | 2/2024 |
| Bài báo khoa học đăng trên Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế | | | | | | | | |
| 10 | Foreign Direct Investment and Economic Growth in Developed Countries and Implication for Vietnam | 03 | 01 | Hội thảo quốc tế về các vấn đề đương đại trong kinh tế, quản lý và kinh doanh lần thứ 2, ngày 26, 27/12/2019 tại Hà Nội, NXB Đại học Kinh tế quốc dân | | | ngày 26, 27/12/2019 trang 1755 | 12/2019 |

| | | | | | | | | |
|---|---|----|----|---|--|--|--------------------------------|---------|
| 11 | The impacts of logistics performancy index and other factors on exports of Vietnam | 04 | 03 | Hội thảo khoa học quốc tế FDI toàn cầu và ứng biến của doanh nghiệp FDI tại Việt Nam trong bối cảnh mới. NXB Thanh niên. ISBN 978-604-341-272-7 | | | Tháng 9/2021 Trang 972 | 9/2021 |
| Bài báo khoa học đăng trên Kỷ yếu Hội thảo khoa học thành phố | | | | | | | | |
| 12 | Giải pháp cải thiện hoạt động quản trị chất lượng của các DNNVV HP đáp ứng điều kiện tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu trong 3 lĩnh vực: chế tạo ô tô, đóng tàu và điện tử | 01 | 01 | Kỷ yếu hội thảo khoa học: Giải pháp thúc đẩy các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào chuỗi chung ứng toàn cầu. ISBN 978-604-937-323-7 | | | Tháng 5/2023. Trang 110-116 | 5/2023 |
| Bài báo công bố trên Tạp chí khoa học trong nước (Thuộc danh mục HĐGSNN) | | | | | | | | |
| 13 | Ứng dụng thẻ điểm cân bằng BSC trong việc triển khai chiến lược cho công ty cổ phần vận tải biển Việt Nam | 01 | 01 | Tạp chí khoa học công nghệ Hàng hải, ISSN 1859-316X | | | số 43 – 8/2015 trang 84 | 8/2015 |
| 14 | Ứng dụng SIPOC trong việc xây dựng quy trình quản lý tuyển dụng nhân sự tại công ty vận tải biển Việt Nam (VOSCO) | 01 | 01 | Tạp chí khoa học công nghệ Hàng hải, ISSN 1859-316X | | | số 43 – 8/2015 trang 97 | 8/2015 |
| 15 | Nghiên cứu quy trình hoạch định chiến lược cho các doanh nghiệp vận tải biển | 01 | 01 | Tạp chí khoa học công nghệ Hàng hải, số 48 – 11/2016 | | | số 48 – 11/2016 trang 67 | 11/2016 |
| 16 | Solutions to increase employees morale in Vietnam Ocean Shipping Joint Stock Company. | 01 | 01 | Joural of Marine science and technology, ISSN 1859-316X | | | Số 53-1/2018, Trang 83 | 1/2018 |
| 17 | Ứng dụng phương pháp quản trị nguồn nhân lực của Nhật Bản vào doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam | 01 | 01 | Tạp chí khoa học công nghệ Hàng hải, ISSN 1859-316X | | | số 57-01/2019 trang 67 | 1/2019 |

| | | | | | | | | |
|----|---|----|----|--|--|--|---|---------|
| 18 | Mối quan hệ giữa các kỹ thuật phân tích trong việc hoạch định chiến lược: Tình huống cho Công ty vận tải biển Vinaship | 01 | 01 | Tạp chí giao thông vận tải. ISSN 2354-0818 | | | 7/2019 Trang 198 | 7/2019 |
| 19 | Nâng cao chất lượng kiểm định xe cơ giới tại Công ty cổ phần đăng kiểm xe cơ giới đường bộ Quảng Ninh | 02 | 01 | Tạp chí giao thông vận tải. ISSN 2354-0818 | | | 11/2019 Trang 115 | 11/2019 |
| 20 | Kết hợp mô hình SWOT và mô hình phân tích thứ bậc (AHP) để lựa chọn phương án chiến lược kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship | 01 | 01 | Tạp chí khoa học công nghệ Hàng hải, ISSN 1859-316X | | | Số 61- 01/2020 Trang 70 | 1/2020 |
| 21 | Áp dụng phương pháp phân tích thứ bậc (AHP) để lựa chọn chiến lược kinh doanh tại Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam | 01 | 01 | Tạp chí giao thông vận tải, ISSN 2354-0818 | | | Tháng 6/2020 Trang 155 | 6/2020 |
| 22 | Phát triển nguồn nhân lực Logistics đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế tại thành phố Hải Phòng | 01 | 01 | Tạp chí giao thông vận tải. ISSN 2354-0818 | | | Tháng 3/2021 Trang 174 | 3/2021 |
| 23 | Tác động của phát triển dịch vụ logistics cảng biển và một số yếu tố khác đến xuất khẩu của Hải Phòng: một cách tiếp cận thông qua mô hình véctor tự hồi quy và kiểm định nhân quả Granger. | 04 | 03 | Tạp chí khoa học trường Đại học Hải Phòng. ISSN 1859-2368 | | | Số 48, tháng 9/2021. Trang 14 | 9/2021 |
| 24 | Định hướng chuyển đổi số trong lĩnh vực vận tải biển tại Việt Nam. | 01 | 01 | Tạp chí giao thông vận tải. ISSN 2354-0818 | | | Số 03 năm 2022. Trang 139 | 3/2022 |
| 25 | Phân tích hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp logistic trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01 | 01 | Tạp chí giao thông vận tải. ISSN 2354-0818 | | | Số 736 tháng 12/2023 Trang 123 | 12/2023 |

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là **tác giả chính** sau khi được công nhận tiến sĩ: **05** bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus, bao gồm bài có số thứ tự: **4, 5, 6, 7, 8**.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: **Không**

| TT | Tên giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/ đồng tác giả | Số tác giả |
|----|-----------------------|-----------------|--------------------|-----------------------------|------------|
| | | | | | |

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế: **Không**

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: **Không**

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế | Ghi chú |
|----|--|--------------------------------|--|------------------------------------|--|---------|
| 1 | Xây dựng chương trình đào tạo cho chuyên ngành Quản lý kinh doanh thương mại điện tử | Chủ trì | QĐ thành lập Tổ biên soạn CTĐT ĐH số 233 ngày 10/02/2025 của Hiệu trưởng trường ĐHHHVN | Trường ĐH Hàng hải Việt Nam | Quyết định Ban hành chương trình đào tạo số 834/QĐ-ĐHHHVN ngày 13/5/2024 của Hiệu trưởng trường ĐHHHVN | |

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: **Không**

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



TS. Mai Khắc Thành